

DIỄN ĐÀN: NGÔN NGỮ HỌC TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM

VỀ VẤN ĐỀ "NGÔN NGỮ QUỐC GIA LÀ TIẾNG VIỆT"

ĐỖ THỊ KIM LIÊN
(GS.TS; Đại học Vinh)

1. Đặt vấn đề

Trong cuộc đời nhà giáo, tôi dạy Ngôn ngữ ở Trường Đại học Vinh từ năm 1974 cho đến nay năm 2014, là đúng 40 năm. Đây là khoảng thời gian liên tục phải học tập, học tập để có thể theo kịp sự phát triển của Việt ngữ như một khoa học, cũng là giúp cho việc đứng lớp của mình không bị lạc hậu. Chúng tôi hết sức vui mừng trước thông tin của T/C *Ngôn ngữ và Đời sống*: “Một sự kiện lịch sử của ngôn ngữ học nước nhà là Quốc hội đã thông qua Hiến pháp nước CHXHCNVN 1992 (sửa đổi 2013). Tại điều 5, mục 3 của Hiến pháp có viết: “Ngôn ngữ quốc gia là tiếng Việt. Các dân tộc có quyền dùng tiếng nói, chữ viết, giữ gìn bản sắc dân tộc, phát huy những phong tục, tập quán, truyền thống và văn hóa tốt đẹp của mình”. Sau đây, chúng tôi xin phát biểu từ góc độ của người giáo viên đứng lớp về hai vấn đề: a) Thế nào là ngôn ngữ quốc gia và vai trò của tiếng Việt để xem tiếng Việt (so với các ngôn ngữ của các dân tộc khác) là ngôn ngữ quốc gia; b) Những tiêu chuẩn câu cần có.

2. Thế nào là ngôn ngữ quốc gia và vai trò của tiếng Việt để xem tiếng Việt (so với các ngôn ngữ của các dân tộc khác) là ngôn ngữ quốc gia

Theo chúng tôi, Ngôn ngữ quốc gia là ngôn ngữ được sử dụng chính thức trong hành chính và trong giao tiếp hàng ngày (trên văn bản viết lẫn ngôn ngữ nói) trên phạm vi toàn quốc.

Sở dĩ xem tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia là bởi những lí do sau:

a. Tiếng Việt là ngôn ngữ được sử dụng lâu đời

Có thể nói, không chỉ sau cách mạng tháng tám năm 1945, nước Việt Nam trở thành nước độc lập, tiếng Việt là ngôn ngữ được sử dụng thống nhất trên toàn quốc, mà kể cả thời kì 1000 năm Bắc thuộc, dù tiếng Việt có vay mượn vốn từ tiếng Hán với số lượng khá lớn (theo H. Maspero là 60%) thì tiếng Việt vẫn được người Việt sử dụng cho đến ngày nay, không hề mất đi.

Từ sau cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay, trong nhà trường, từ cấp Tiểu học đến Đại học, và cả Sau đại học thì chương trình giảng dạy chủ yếu gồm hai thứ tiếng: Tiếng Việt (được xem là tiếng mẹ đẻ) và tiếng nước ngoài (tiếng Trung, tiếng Nga, tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức, ...). Tiếng Việt dùng để dạy các môn của từng lớp học theo chương trình SGK ở các cấp đã được áp dụng trên phạm vi toàn quốc hết sức thành công.

b. Tiếng Việt là ngôn ngữ được sử dụng với phạm vi rộng lớn

Có thể nói tiếng Việt là ngôn ngữ được sử dụng trên phạm vi rộng khắp đất nước, chiếm số đông người nói đồng đảo, không chỉ người Kinh mà cả nhiều người thuộc các dân tộc khác cũng biết sử dụng tiếng Việt như tiếng mẹ đẻ. Ngoài ra, một số lượng người Việt ra nước ngoài cũng không ít, họ sống ở nhiều nước trên thế giới (như ở Mỹ, Canada, Úc, Anh, Pháp, Ý, Nhật, Cu Ba, Thụy Sĩ...), tuy vậy, họ luôn hướng về Tổ quốc, nói tiếng Việt, dạy con nói tiếng Việt, mở trường dạy tiếng Việt cho con cháu, bạn bè, người quen, kể cả dạy cho người nước ngoài yêu thích tiếng Việt. Có thể nói, tiếng Việt ngày nay được sử dụng trên phạm vi rộng khắp thế giới.

c. Tiếng Việt là ngôn ngữ thi ca, giàu nhạc điệu

Tiếng Việt là ngôn ngữ thi ca, giàu nhạc điệu. Kết luận này có cơ sở khoa học là bởi tiếng Việt có 6 thanh điệu, chính vì vậy, cùng một vỏ ngữ âm, có cấu tạo gồm phụ âm đầu và nguyên âm chính, ví dụ: *m+a*, nhưng được đọc với 6 thanh điệu khác nhau thì sẽ tạo nên 6 âm tiết mang 6 nghĩa khác nhau: *ma*, *mà*, *mả*, *mã*, *má*, *mạ* (theo trật tự cách ghi của từ điển). Chính vì vậy, khi người nước ngoài học tiếng Việt, họ thường kêu khó nhất là học phát âm đúng thanh điệu và dùng đúng danh từ chỉ loại (*con*, *cây*, *cục*, *cái*, *chiếc*, *bức*, *hòn*, *tám*, *mảnh*..., như: *con lợn*, *cây đèn thần*, *cục đá*, *chiếc áo*, *bức thư*, *hòn than*, *tám ván*, *mảnh vải*), chưa kể là dùng những danh từ chỉ loại này trong thơ ca càng là một nghệ thuật: *Vẻ non xa tám trăng gần ở chung; Yêu*

thương là lòng anh, bao dung là mái phố; Một lá thuyền trôi dạt về đâu; Thác bao nhiêu thác cũng qua, Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời...).

Có thể nói, người Việt dùng tiếng Việt để làm thơ, kể cả người già hay còn nhỏ tuổi thì họ thu được thành công, vì nói đến thơ trước hết là nói đến nhạc điệu, âm điệu, nhịp điệu. Có thể nói, trong chương trình dạy học ở nhà trường, từ bậc Tiểu học, học sinh đã học đến thơ các nhà thơ hiện đại như Trần Đăng Khoa (*Tiếng võng kêu; Trăng ơi...từ đâu đến?; Hạt gạo làng ta*), Đỗ Trung Quân (*Quê hương*), Nguyễn Duy (*Tre Việt Nam*), Hoài Vũ (*Vàm cỏ đông*), Tô Hữu (*Nhớ Việt Bắc*), Phạm Tiến Duật (*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*), Nguyễn Khoa Điềm (*Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ*), Huy Cận (*Đoàn thuyền đánh cá; Con chim chiền chiện*),...Lúc các em học lên các lớp trên, những bài thơ hay đó đi cùng cuộc đời các em, nuôi dưỡng tâm hồn, tình cảm của các em, và có người giỏi toán vẫn giỏi cả thơ. Đó là một thực tế. Chế Lan Viên trong bài “Sổ thơ” từng viết: “*Đừng làm những câu thơ khuôn mình theo văn phạm, Như cây quá thẳng chim không về*”. Điều này có nghĩa quy tắc của thơ không hoàn toàn trùng khớp với quy tắc văn xuôi. Một người có thể dạy viết đúng quy tắc ngữ pháp nhưng không hẳn là một người làm thơ hay. Có thể nói, làm thơ phụ thuộc nhiều yếu tố nhưng chủ yếu là dựa vào cảm xúc của cá nhân (với tiếng nào cũng vậy), phụ thuộc cách phối hợp các âm tiết tạo thành nhạc điệu, vần điệu, nhịp điệu. Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn tiết nên việc phối hợp các âm tiết để tạo nên văn thơ, bài thơ có liên quan chặt chẽ với âm điệu, nhạc điệu. Chính vì vậy, là người Việt thì sử dụng tiếng Việt để làm thơ mới thành công. Bên cạnh đó, tiếng Việt được sử dụng để viết văn xuôi cũng giàu nhạc điệu, giàu tính biểu cảm (Như bài *Tre Việt Nam* của Thép Mới: *Nước Việt Nam xanh muôn vàn cây lá khác nhau...*).

Không chỉ thơ, văn xuôi, từ xa xưa, người Việt đã sử dụng vốn văn học dân gian để truyền khẩu với nhau, khi có chữ viết thì người Việt sử dụng văn tự để viết truyện. Nhờ văn tự, người Việt đã ghi lại lịch sử, phong tục-tập quán, văn hóa, tình cảm, trồng trọt, chăn nuôi, kinh nghiệm nhận diện thời tiết để sản xuất, kinh nghiệm nhận diện các quan hệ xã hội... Tất cả đều sử dụng tiếng Việt.

d. Vấn đề tính khoa học của tiếng Việt

Tiếng Việt có tính khoa học thể hiện qua các đơn vị cấu tạo nên tiếng Việt từ nhỏ đến lớn, đó là: âm vị, hình vị, từ, câu, đoạn văn, văn bản. Các đơn vị đó không tồn tại riêng lẻ mà giữa chúng lại có những quan hệ nhất định. Ngay trong mỗi đơn vị cũng có đặc điểm riêng của chúng. Trừ âm vị, còn từ: tiếng, từ, cụm từ, câu đều có hai mặt âm thanh và ý nghĩa. Tiếng Việt rất khoa học thể hiện qua mối quan hệ giữa âm thanh, chữ viết và ý nghĩa hết sức chặt chẽ, mà lại đơn giản nên mọi người biết đọc (và hiểu nghĩa), biết viết rất nhanh, khác tiếng Hán là chữ tượng hình, mỗi hình chữ mang một nghĩa nên nắm hết các kiểu chữ của tiếng Hán là hết sức khó khăn, học mất nhiều thời gian.

Việc dạy tiếng Việt (từ cấp tiểu học) đã có sự đóng góp to lớn của các nhà Việt ngữ. Chính các nhà Việt ngữ đã biên soạn SGK, đưa tri thức khoa học về Việt ngữ phù hợp với lứa tuổi, tâm sinh lí, giáo dục đạo đức, bồi dưỡng nhân cách, tâm hồn cho các em để dạy cho các em học sinh không chỉ học tốt mà còn phát triển nhân cách, đạo đức là hết sức cần thiết. Nhờ giỏi tiếng Việt, các em học giỏi các môn khác cho đến khi trưởng thành, học các môn khó hơn, chuyên sâu hơn.

Có lần đi dạy môn “Phương pháp dạy học tiếng Việt ở Tiểu học” cho học viên là giáo viên lớp Đại học tại chức ở Quảng Bình, trong lớp có anh học viên vốn là giáo viên miền xuôi lên dạy ở miền núi (miền Tây Quảng Bình) đã 8 năm. Tôi hỏi anh dạy như thế nào, anh kể rằng, em dạy một lớp nhưng có khi cả 3 thế hệ học sinh lớp (1, 2, 3) cùng học. Tôi hỏi tiếp, vậy anh có áp dụng mô hình âm tiết (gồm: phụ âm đầu, phần vần, trong phần vần có âm đệm, âm chính, âm

cuối ² và thanh điệu dễ dạy không? Ví dụ: [toán] thì đọc là: *o a nờ oan; tờ toan sắc toán không?* Anh đáp: Thừa cô, có ạ. Theo mô hình này, học sinh tiểu học, bắt đầu vào lớp 1, đã học nghe, học đọc, và học viết khá nhanh, nhưng vì các em là người dân tộc, nên học nói thì còn chậm, có khi âm thì biết đọc nhưng lại không hiểu nghĩa, nhất là những từ mang nghĩa sự vật mà không chỉ được sự vật (niềm vui, nỗi đau, cơn tức giận, thì thảo...). Vì vậy, kết hợp những phương pháp dạy học mới, chúng em thường xuyên dẫn các học sinh đi tham quan, đi chơi, đóng vai, vui mà học, sử dụng mô hình xếp chữ... để rèn luyện ngôn ngữ nói và hiểu điều mình nói cho học sinh. Kết quả, các em tiến bộ nhanh hơn. Vì sao như vậy? Em hiểu nguyên nhân, đó là giữa âm và nghĩa có quan hệ nhưng chúng là hai mặt khác nhau của tín hiệu ngôn ngữ, nên chỉ chú ý đến âm mà không chú ý đồng thời đến nghĩa thì sẽ dẫn đến tình trạng không hiểu nghĩa, như vậy, học sinh các dân tộc nói chậm là phải. Tôi khoái quá, giống như chúng tôi học ngoại ngữ cũng gặp phải khó khăn như vậy.

3. Những tiêu chuẩn cần có

Thứ nhất, hiện nay, việc dạy đọc tiếng Việt gặp phải khó khăn là phương ngữ. Như chúng ta biết, khi dạy tiếng Việt là phải dạy đọc đúng. Đọc đúng ở đây được hiểu là đọc đúng chính âm. Tuy vậy, quan niệm thế nào là đúng chính âm, theo cách phát âm của miền Nam, miền Bắc, hay miền Trung? Theo tiếng miền Trung thì chỉ có 4 hoặc 5 thanh điệu (Như: anh đi bộ đội sao trên *mụ* (mũ), theo tiếng miền Nam thì không có phụ âm [v] mà lại có phụ âm [j] (*ăn Jinh* có nghĩa là *anh Vinh*), theo tiếng miền Bắc thì không có 3 phụ âm quặt lưỡi (tr, s, r], trong khi đó, những con chữ thể hiện những âm quặt lưỡi này lại có nghĩa khác nhau (*che* khác *tre*; *sách* khác *xách*; *da* khác *ra*). Đó là một vấn đề khó khăn trong việc phát âm được coi là chuẩn (của cá nhân hiện nay).

Thứ hai, trên thực tế, hiện nay, việc viết sai chính tả (kể cả người lớn) còn khá nhiều là vì, chữ viết tiếng Việt là chữ ghi âm, mỗi âm được ghi bằng một hình chữ. Theo thời gian, mặt ngữ âm có biến đổi, còn chữ viết lại không biến đổi nên dẫn đến hiện tượng sai chính tả vẫn luôn xảy ra đối với mọi lứa tuổi. Chưa kể đến khi phát âm thì cá nhân phát âm theo từng phương ngữ nơi mình sống, nên có hiện tượng, mình phát âm một đằng mà viết một đằng. Ví dụ: phát âm là: *Jia*, nhưng phải viết đúng quy tắc chính tả là *vẻ*. Ngoài ra, chúng ta còn gặp hiện tượng cùng một âm mà có hai cách viết, nhưng chuẩn chính tả chỉ cho viết một kiểu, ví dụ: *dì oi* (không được viết [*gì oi*]; [*con gì*] không được viết [*con dì*]; [*dỗ dành*] không được viết [*giỗ giành*]; [*yêu cầu*] thì lại không được viết [*iêu cầu*]. Chính vì thế, cách viết thể này hay thể kia còn đòi hỏi ở việc hiểu nghĩa của từ. Mà như chúng tôi đã nêu trên, có khi, học sinh đọc được nhưng không hiểu nghĩa.

Thứ ba, hiện nay, do xu hướng giao lưu của Việt Nam với nhiều nước trên thế giới về kinh tế, thương mại, ngoại giao, trao đổi văn hóa-xã hội, khoa học ngày một tăng lên, cho nên, đòi hỏi, một cá nhân muốn làm việc có hiệu quả, phải nắm vững ngoại ngữ thứ hai (ngoài tiếng Việt). Bên cạnh đó thì hệ thống thuật ngữ mang tính chuyên ngành được đưa vào sử dụng trong giao tiếp ngày một nhiều hơn, do số người có tri thức khoa học ngày một nhiều hơn, người sử dụng mạng internet càng đông hơn. Chính vì vậy, một vấn đề đặt ra, bên cạnh tiếng Việt, người đi học ở nhà trường, ngay từ khi còn nhỏ, không chỉ học tiếng Việt mà cần được học một ngoại ngữ thứ hai (định hướng ngoại ngữ từ lúc còn trẻ tuổi là hết sức cần thiết) một cách chắc chắn, đến đâu đến đâu thì mới có thể sử dụng tốt khi đã lớn tuổi. Cùng với ngoại ngữ, các em có thể mở mang tri thức một cách dễ dàng, thuận lợi, không có gì trở ngại. Sau này ra trường, các em đi làm việc, nếu đã có ngoại ngữ thì chắc chắn sẽ làm việc tốt hơn.

CHÂN DUNG KHOA HỌC

² Thuật ngữ được sử dụng để gọi phụ âm, nguyên âm ở Tiểu học.